

# NGHỆ THUẬT TRANG TRÍ NỀ ĐẮP NỔI TẠI LĂNG TỪ CUNG HOÀNG THÁI HẬU Ở HUẾ

TRẦN THỊ HOÀI DIỄM

Email: tthdiem@hueuni.edu.vn

Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế

## THE ART OF DECORATION AND EMBOSSEMENT AT THE MAUSOLEUM FROM THE PALACE OF THE EMPRESS DOWAGER IN HUE

### TÓM TẮT

Di sản kiến trúc nghệ thuật triều Nguyễn (1802-1945) không chỉ là lăng tẩm các vua, thành lũy, cung điện, đền miếu... mà còn có lăng của các bà hoàng như các lăng Hoàng Cô, Thoại Thánh, Thuận Thiên, Hiếu Đông, Từ Dũ, Lệ Thiên Anh, Tiên Cung, Thánh Cung, Từ Cung... với hệ thống trang trí mang nhiều giá trị mỹ thuật và giá trị văn hóa thời phong kiến của Việt Nam. Trong đó, lăng Từ Cung hoàng thái hậu là một trong những công trình khá đặc biệt được xây dựng bởi một chất liệu chủ đạo là nề đắp nổi nhưng đã tạo nên một không gian nghệ thuật sinh động, mật độ trang trí dày đặc, kiểu thức trang trí đa dạng. Công trình là một trong những không gian kiến trúc phản ánh những giá trị nghệ thuật, quan niệm sâu sắc và biểu tượng tâm linh còn lưu lại của cả một triều đại đã từng phồn thịnh.

**Từ khóa:** Mỹ thuật Nguyễn; bà hoàng; nghệ thuật nề đắp nổi; biểu tượng tâm linh



### ABSTRACT

The artistic heritage of the Nguyen Dynasty (1802-1945) is not only the tombs of kings, ramparts, palaces, temples... but also the mausoleums of queens such as Hoang Co, Thoai Thanh, Thuan Thien, Hieu Dong, Tu Du, Le Thien Anh, Tien Cung, Thanh Cung, Tu Cung... with a decorative system with many artistic and cultural values of Vietnam's feudal period. In particular, the mausoleum of queen empress Tu Cung is one of the very special works, It was built with a main material of embossed masonry, this has created a lively art space, dense decoration, rich decorative motifs. This architecture is one of the architectural spaces that reflect artistic values, profound conceptions and spiritual symbols left over from a once-prosperous dynasty.

**Keywords:** Nguyen's fine art, empress dowager, embossed masonry art, spiritual symbols

### 1. Vài nét về chất liệu nề đắp nổi

Dưới thời Nguyễn, do nhu cầu xây dựng và trang trí kiến trúc cung đình, những người thợ nề giỏi khắp nước được trưng tập về kinh đô làm việc trong các phường thợ. Sau khi công tượng giải tán phần lớn trong số này đã trở về quê quán, số còn lại lập làng ở Huế và có Nê ngõ tượng đường nơi thờ vị tổ sư ngành nề và làm ngôi, và hàng năm đến ngày 24 tháng 11 Âm lịch các môn phái thợ nề tụ về để làm lễ giỗ tổ. Vào thời điểm đó, họ thuộc Bộ Công quản lý, tổ chức và điều hành trong Nê ngõ tượng cục (Nê: bôi, trát, dùng để chỉ nghề thợ nề. Ngõa: ngôi. Tượng cục: đơn vị quản lý thợ lành nghề trong các công tượng thời Nguyễn). Tác giả Nguyễn Hữu Thông trong bài: "Nê ngõ tượng cục với các công trình kiến trúc ở Huế" cho biết thợ nề ngõa vốn là gốc ở làng nề nổi tiếng Kim Bồng (Quảng Nam) và Thanh Hóa.

Vừa nề cổ có một vai trò hết sức quan trọng trong việc tạo ra cái đẹp của hình đắp nổi trang trí trên các công trình kiến trúc thời Nguyễn. Trong các công trình cổ, vừa là một trong những vật liệu chính tạo nên khối hình cũng như để hoàn thiện các chi tiết hoa văn, họa tiết. Theo nhiều nguồn tư liệu cổ sử, nguyên liệu dùng cho vừa cổ bao gồm vôi sò, cát, mật mía hay nhựa cây, giấy bản hoặc mùn rom... Tùy theo mục đích sử dụng mà vừa nề được chia ra làm các loại: vừa xây, vừa tô trát, vừa lợp mái, trong đó vừa tô trát ở những thành phần có trang trí nề đắp nổi lại có những yêu cầu về chất phụ gia riêng. Những tư liệu cổ đã cho ta thấy tầm quan trọng cũng như cung cách sử dụng chặt chẽ của ông cha ta đối với loại vật liệu này. Khâm Định Đại Nam Hội điển sự lệ, Phần Công chính có ghi rõ: "Trộn vừa hồ cứ 100 cân cần 5 cân mật, trộn vừa hồ cứ 100 cân cần 4 cân mật; trộn vừa hồ cứ 100 cân cần 2 cân mật, ...". Chất kết

đính vôi với mật mía (có vai trò như một phụ gia đóng rắn) sau khi trộn sẽ kết hợp với khí cacbonic trong không khí tạo ra một loại chất vữa kết dính khá bền. Theo các tài liệu cũ, hàm lượng mật trong vữa nằm trong khoảng dưới 10% so với hàm lượng vôi. Nhựa cây được xem như thành phần làm tăng độ dẻo, độ dính kết của vữa. Nhựa thường được lấy từ các loại cây như bời lời, tơ hồng, ô dước, ... Một trong những đặc trưng nổi bật về thẩm mỹ của các công trình cổ là bởi các họa tiết hoa văn trang trí, chính những chi tiết này làm sinh động hơn đường nét công trình kiến trúc, chúng tồn tại lâu bền là do chế tác phụ gia, tạo nên chất liệu phù hợp với thời tiết khí hậu Việt Nam. Sau khi nhà Nguyễn sụp đổ vào năm 1945, nhiều nghề và phường thợ, nghệ nhân cùng nhiều loại hình nghệ thuật cung đình lại trở về các làng xã và tạo nên những ảnh hưởng mới từ nghệ thuật cung đình vào dân gian một cách hữu ý mà khách quan. Để rồi trong từng giai đoạn cụ thể, chính quyền có những chính sách bảo tồn di tích thời Nguyễn, có nhu cầu mời nhiều ngành nghề dân gian tham gia phục chế di tích cung đình ở Huế, trong đó có sự trở lại của nghề nề đắp nôi trang trí khắp nơi suốt bao tháng năm qua vẫn không mất dấu, ngược lại chúng có được những cơ hội để phát triển trong dân gian, trong các làng xã ven Huế và không chỉ trùng tu các di tích cung đình thời Nguyễn mà còn góp phần tham gia xây dựng, trang trí một số công trình khác, trong đó có sự xuất hiện của lăng Từ Cung là một minh chứng.

## 2. Nghệ thuật trang trí nề đắp nôi tại lăng Từ Cung Hoàng thái hậu ở Huế.

Từ Cung Đoàn Huy Hoàng thái hậu (1890 – 1980) là thân mẫu của vua Bảo Đại và là Hoàng thái hậu cuối cùng của triều đại nhà Nguyễn. Tên thật của bà là Hoàng Thị Cúc, người làng Mỹ Lợi, Phú Lộc, Thừa Thiên Huế. Bà được đưa vào làm cung nữ hầu hai bà vợ của vua Đồng Khánh là Thánh Cung Nguyễn Hữu Thị Nhân và Tiên Cung Dương Thị Thục. Tại đây, sự gặp gỡ giữa vị cung nữ với Phụng Hóa công Nguyễn Phúc Bửu Đảo (vua Khải Định sau này) đã đem lại kết quả là bà mang thai và hạ sinh hoàng nam Nguyễn Phúc Vĩnh Thụy (tức vua Bảo Đại sau này). Năm 1925, vua Khải Định băng hà, hưởng dương 40 tuổi, bà được di chiếu lập làm hoàng thái hậu, còn hoàng tử con trai bà là Vĩnh Thụy được đưa lên làm vua kế vị vào năm 1926 lấy niên hiệu là Bảo Đại. Năm 1980, Từ Cung Hoàng thái hậu qua đời, thọ 90 tuổi và được an táng gần lăng Đồng Khánh (Huế)

Lăng Từ Cung được xây dựng từ năm 1960 khi bà còn sống, lăng nằm bên phía Nam của lăng Tự Đức và bên phải là lăng Đồng Khánh - lăng Kiên Thái Vương, giữa một sườn đồi cây xanh, kín đáo nhưng phía trước lại có không gian mở rộng tầm nhìn khá thoáng đãng và uy nghi. Lăng có một vẻ đẹp biệt lập không chỉ bởi không gian rừng đồi bao la vây quanh

mà còn bởi chính nghệ thuật trang trí nề đắp nôi tạo nên chất màu trang nhã, trầm lắng không pha trộn chất liệu trang trí nào khác, mật độ nề đắp nôi tại công trình này đã tạo nên tập trung cao độ với sự hài hòa, đa dạng trong hình khối kiến trúc lăng. Qua hình thức biểu tả rất phong phú, đặc sắc, đa dạng về kỹ thuật chất liệu, dù chủ yếu là nề đắp nôi nhưng đã tạo ra những bộ cục sinh động về hình tượng, bút pháp tạo hình trang trí gắn gũi tại ngôi lăng này. Có thể do hoàn cảnh chính trị của chính quyền Việt Nam cộng hòa lúc bấy giờ và điều kiện kinh tế của một bà hoàng sau 15 năm buổi hậu tàn của triều đại nhà Nguyễn mà lăng Từ Cung đã không được đầu tư xây dựng bằng đá như các lăng khác. Nhưng điều này lại tạo ra những khả năng khác cho các nghệ nhân xứ Huế, trong không gian này, các nghệ nhân đã có cơ hội biểu thị nghệ thuật đầy sáng tạo khi sử dụng khối tròn, đắp mảng phẳng, kết hợp tả khối nổi, trang trí khắc nét chìm trên nề vữa ướt từ đó tạo nên những kiểu thức trang trí tứ thời, bát quả, bát bửu rất đa dạng, xuất hiện các điểm nhấn độc đáo và duy nhất so với những công trình khác dưới thời nhà Nguyễn. Mặt khác, trang trí nề đắp nôi tại lăng Từ Cung còn thể hiện sự tiếp thu, kế thừa nghệ thuật trang trí đắp nôi rất hiệu quả trong trang trí thời Nguyễn trước đó. Ngoài ra có những kỹ thuật chất liệu được cải biến như đắp ốp tạo nét, tạo khối, đắp phẳng, đắp trở vốn không được chú ý nhiều trong thời Nguyễn trước đây. Những kỹ thuật trang trí “phá ô học” để tạo mạch chảy của các đề tài, đồng thời kết nối chung trong một không gian “mở” ước lệ và có ý đồ sáng tạo rất đặc trưng của mỹ thuật Nguyễn giai đoạn muộn. Các hình tượng nề đắp nôi hình cuốn thư uốn lượn những nhịp sóng chữ Vạn làm cho mỗi ô học trang trí thêm mềm mại và uyển chuyển. Với bộ đề tài tứ thời bộ cục đăng đối ở hai bên và giữa khung hình chính là hình tượng lưỡng phụng vờn mây cầu lửa (mặt trời), kết hợp phía dưới bộ bình phong hoa lá “hóa” mặt hồ phù rất quen thuộc, về motif này cũng xuất hiện ở nhiều công trình kiến trúc khác cùng thời. Sự kết hợp những tia lửa và hoa văn lưới móc đã tạo nên một cách đa dạng, sinh động với đường nét biến thể và thể hiện sự chắc chắn, mạnh mẽ, dứt khoát, tạo nên tính tượng trưng, tôn vinh về thân thể của chủ nhân. Về mặt kỹ thuật chất liệu, nề đắp nôi là một chất liệu tuy không xử lý khó khăn như những chất liệu khác (gỗ, đồng, đá...) nhưng cũng tồn tại phức tạp, như trong hồ vữa, chất kết dính phải pha trộn và tích hợp nhiều thành tố, hiệu quả, tính năng của chất kết dính không chỉ là ở các mức độ gia giảm của hợp chất vôi hào - giấy dó - mật mía - nhựa cây... mà còn phụ thuộc vào "cảm giác" và con mắt và sự tiếp xúc của bàn tay nghệ nhân.

Huyền cung lăng Từ Cung với khối mộ theo kiểu nhà cổ (trúc cách cổ lâu), trang trí dày đặc từ đỉnh mái đến 4 phía cửa huyền cung. Tại mái huyền cung, phần trên mái là nề đắp nôi hình chim phụng ở 4 góc mái

và trên đỉnh huyền cung của hồi mái với 2 chim phụng quay đầu châu vào mặt nguyệt kết hợp đám mây bông bành. Tại 2 mặt lớn của huyền cung là trang trí lặp lại như ở bình phong với đôi phụng vờn mây lửa, vờn mặt nhật kết hợp các tia lửa dựng đứng, gai nhọn, thanh mảnh. Để xử lý được hình tượng sống động như vậy những nghệ nhân nề phải có sự chuẩn bị công phu về vật liệu, các họa tiết cơ bản đáp ứng được các yêu cầu đặt ra của trang trí kiến trúc và được thể hiện bằng khối óc chuẩn mực cùng với đôi bàn tay điêu luyện. Sự biến thể ở chất liệu nề đắp nổi xuất hiện càng nhiều vào cuối thế kỷ XIX và dần trở thành một kiểu thức trang trí phổ biến từ đầu thế kỷ XX, cho đến những năm 60 vẫn là phong cách muộn của thời Nguyễn còn lưu lại. Lý giải điều này tác giả Trần Lâm Biên đã nhận định: “Các hóa thân của phụng... thường là sản phẩm của giai đoạn cuối thế kỷ XIX trở về sau, thời kỳ mà uy quyền của triều đình Nguyễn bị suy sụp và tầng lớp Nho sĩ đã phần nào thất thế... Đó cũng là điều kiện để nhiều con rồng cây cỏ phát triển”<sup>2</sup>. Sự khác biệt so với các kỹ thuật khác, ở đây là phần nề đắp nổi có sự kết hợp khá nhuần nhuyễn với hình khắc vạch, tạo nét lõm để diễn tả những hình chim phụng bởi tính chất biến hóa của mây sóng, quả cầu lửa (mặt trời), 2 cạnh ngoài của 2 mảng lớn này tại huyền cung còn trang trí tứ thời theo kiểu bố cục ô học theo chiều dọc. Những khối quả trang trí trong các ô học thoát nhìn có vẻ chật hẹp vì chúng được phóng đại và lớn hơn quả thật nhiều lần, tuy nhiên chúng lại tạo nên nét tương quan cho trang trí tại huyền cung với những nét khối chìm nổi thoáng, đặc, rõng, kín khác nhau tạo nên trang trí huyền cung có thêm những nhịp điệu tạo hình sinh động, đa dạng. Rõ nhất là ở hình tượng con dơi xuất hiện nhiều trên công trong các ô trang trí nề đắp nổi dưới dạng ngậm chữ Thọ, đôi lúc thoát bay bông ở các thông gió, cũng có khi hóa thành lá cúc, lá sen hoặc điển hình hóa và chỉ còn là những kiểu thức trang trí hình học. Trong trang trí tại lăng bà Từ Cung, hình tượng con dơi đã chiếm một vị trí đáng kể và đây biến hóa thành lá gọi là motif lá hóa phức, mai hóa phức, sen hóa phức, nhưng phổ biến nhất là biến thành hồi văn hóa phức. Các hình tượng dơi nề đắp nổi xuất hiện tại lăng này càng phù hợp với bố cục góc của ô học, hồi mái, góc ngách...đồng thời ở các ô học dưới, dơi lại chuyển hóa thành hoa văn, hoa lá hóa. Ngoài ra con dơi còn xuất hiện trong trang trí nề đắp nổi ở bình phong chính với những tiết điệu bố cục cân xứng, nét khối đắp nề sinh động, lạ mắt, nhiều rất chi tiết và được sắp đặt rất hợp lý mọi khía cạnh, vì vậy trông chúng có vẻ hoa mỹ, trang trí hóa khác lạ và mới mẻ theo tinh thần nghệ thuật trang trí rococo vốn rất được yêu thích dưới thời Khải Định vào đầu thế kỷ XX. Đó cũng là một điểm khác biệt rõ nét cho thấy dấu ấn văn hóa Pháp vẫn còn được lưu giữ trong giai đoạn muộn của mỹ thuật thời Nguyễn, sự “vương vấn” đây tính thẩm mỹ trau chuốt này kéo dài đến thập kỷ 50 – 60

của thế kỷ XX, mà dấu ấn sâu đậm là ở nề đắp nổi tại lăng Từ Cung với những giá trị mỹ thuật ít được nói đến trong di sản nghệ thuật thời Nguyễn.

### 3. Lời kết

Nghệ thuật trang trí nề đắp nổi cung đình thời Nguyễn nói chung và tại lăng Từ Cung nói riêng cũng như các chất liệu nghệ thuật khác là câu nói chuyên tải tinh thần và nội dung Phật giáo, trong đó sự xuất hiện của Nho giáo là chủ yếu, điều đó cho thấy các nghệ nhân nề tài hoa trong dân gian sau này vẫn tiếp nối truyền thống và phát huy tốt đẹp tinh hoa của những bậc thầy nghệ nhân trong nề ngồn tượng cục với tâm hồn dân tộc đã Việt hóa thông qua những đề tài và kiểu thức trang trí một cách nhuần nhuyễn, sáng tạo, mang đầy ý thức tự chủ, chính vì thế họ đã thể hiện tinh thần sáng tạo mang đậm cốt cách dân tộc, làm cho mỗi hình tượng sống động, gần gũi và đầy biểu cảm qua từng hoa văn, đề tài, kiểu thức trang trí nề đắp nổi. Đó cũng là sự tạo dựng nên :“...một điều gì đó rất dung hòa để phá nguồn vui đắm âm vào kiến trúc, nên có thần thái riêng trong cái đồng nhất cố hữu.”<sup>3</sup>. Đó là một cảm thức bên trong của nghệ thuật mang đậm hơi thở cung đình và tạo ra những giá trị riêng của nghệ thuật trang trí nề đắp nổi trong dòng chảy mỹ thuật thời Nguyễn, mà trang trí tại lăng Từ Cung là một đóng góp quan trọng trong dấu ấn di sản còn lưu lại ngày nay.

### CHÚ THÍCH

<sup>1</sup>Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm Định Đại Nam Hội điển sự lệ, tập 13, quyển 222, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr 501.*

<sup>2</sup>Trần Lâm Biên (1979), “Huế, Mỹ thuật Nguyễn, những cái riêng”, *T/c Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật, số 3, tháng 5, 6, tr 24.*

<sup>3</sup>Nguyễn Hữu Thông cb (1992), *Mỹ thuật thời Nguyễn trên đất Huế, Nxb Hội Nhà văn, TP HCM, tr 87.*

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Lâm Biên (1979), “Huế, Mỹ thuật Nguyễn, những cái riêng”, *Nghiên cứu Văn hoá Nghệ thuật, số 3, tháng 5, 6*
2. Nội các triều Nguyễn (1993), *Khâm Định Đại Nam Hội điển sự lệ, tập 13, quyển 222, Nxb Thuận Hóa, Huế*
3. Nguyễn Hữu Thông cb (1992), *Mỹ thuật thời Nguyễn trên đất Huế, NXB Hội nhà văn TP Hồ Chí Minh*
4. Nguyễn Hữu Thông (1984), “Nê ngồn tượng với các công trình kiến trúc ở Huế”, *T/c Sông Hương, số 10*





H1. Cổng chính của lăng Từ Cung



H1. Cổng chính của lăng Từ Cung



H1. Cổng chính của lăng Từ Cung



H 2. Quả Phật thủ, nề đắp nổi



H 3. Hình chim phụng tại huyền cung lăng Từ Cung



H 4. Trang trí bình phong cuốn thư, nề đắp nổi lăng Từ Cung



H 7. Một số hình ảnh đắp nổi tạo nét hình tại bình phong lăng Từ Cung